

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG
MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013	15 - 45
8. Phụ lục 1: Hợp nhất ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất	46 - 51
9. Phụ lục 2: Hợp nhất ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	52 - 53
10. Phụ lục 3: Hợp nhất ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	54 - 56

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà Nước là Công ty Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa theo Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án chuyển đổi và chuyển Công ty Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa thành Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa.

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200266808 ngày 9 tháng 9 năm 2010 được cấp bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa. Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động trên cơ sở kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ, nguyên trạng tài sản của Công ty Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa tại thời điểm kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2010. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 12 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 163.685.676.008 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: (84.58) 3821 227
Fax: (84.58) 3827 296

Các đơn vị trực thuộc

- Khu Nghỉ Mát Ana Mandara – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa
Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
- Trung Tâm Du Lịch Tictours – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa
Địa chỉ: 17B – Đường Hoàng Hoa Thám – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Điều hành tour du lịch; Đại lý du lịch;
- Du lịch lưu trú ngắn ngày (chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, Nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức các tour du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống (chi tiết : bán buôn đồ uống có cồn : Rượu, bia và đồ uống không có cồn); Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn gạo; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ thực phẩm và dụng cụ y tế);
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong cửa hàng chuyên doanh;
- Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Đại lý hàng hóa, môi giới thương mại. Vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định. Vận tải hành khách du lịch bằng đường bộ. Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Dịch vụ giặt là, giặt khô. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Dịch vụ đại lý bán vé máy bay. Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp. Kinh doanh bất động sản. Đại lý thu đổi ngoại tệ; Mua bán trang thiết bị y tế. Bán lẻ rượu, bia. Đại lý lữ hành. Đại lý bán vé tàu hỏa, ô tô. Kinh doanh phát triển du lịch, điểm du lịch. Kinh doanh dịch vụ du lịch khác. Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Suối Dầu	Khu Công nghiệp Suối Dầu - Xã Suối Tân - Huyện Cam Lâm - Tỉnh Khánh Hòa	Số 4200754114 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01 tháng 11 năm 2010	70%
Công ty Cổ phần Khách Sạn Nha Trang	129 Thống Nhất – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa	Số 3703000184 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 10 tháng 01 năm 2006	51%
Công ty Cổ phần Khôi Nguyên (*)	36 Trường Sơn – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa	Số 3703000248 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 09 tháng 02 năm 2007	57,9%

(*) Tỷ lệ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 51%. Tỷ lệ góp vốn thực tế là 57,9 %. Ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn đã thanh lý khoản đầu tư vào công ty này.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

- Trong năm Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Khôi Nguyên (công ty con); Công ty Cổ phần Du Lịch Yersin (công ty liên kết) và Công ty Cổ phần Du Lịch Thùy Dương (công ty liên kết);
- Công ty được giảm tiền thuê đất từ năm 2005 đến năm 2012 theo CV 5866/UBND-KT ngày 11 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa “Về việc miễn, giảm tiền Thuê đất đối với Khu nghỉ dưỡng Ana Mandara”. Khoản chi phí thuê đất này đã được dự phòng trong các năm tài chính trước nên được ghi nhận thu nhập khác trong năm nay, làm lợi nhuận trước thuế tăng 12.152.588.536 VND.

Tình hình tài chính và Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 8 đến trang 56).

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình phân phối lợi nhuận trong năm 2013 như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển (30%)	16.020.198.932
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	248.772.083
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.642.035.729
Nộp lợi nhuận về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	36.934.854.000
Kết chuyển tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận còn lại năm 2012 sau khi hoàn trả vốn DA KDL Yersin (theo CV 3177/STC-ĐT ngày 15/08/2013 của STC)	2.131.883.195

(*) Công ty tạm trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành theo tiêu chí doanh nghiệp loại A do năm 2013 chưa có kết quả xếp loại doanh nghiệp.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đã bàn giao Khu nghỉ mát Ana Mandara để góp vốn thành lập Công ty TNHH Sovico Khánh Hòa. Thời điểm bàn giao là 28 ngày 02 tháng năm 2014. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, các thủ tục bàn giao đang được thực hiện.

Ngoài sự kiện trên, Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Long	Chủ tịch	15 tháng 5 năm 2012	-
Ông Nguyễn Thành Chương	Thành viên	30 tháng 8 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Thành viên	27 tháng 8 năm 2010	-
Ông Phạm Duy Hùng	Thành viên	27 tháng 8 năm 2010	-
Ông Lâm Duy Anh Cường	Thành viên	30 tháng 8 năm 2010	10 tháng 2 năm 2014

Kiểm soát viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Minh Thành	Kiểm soát viên	07 tháng 11 năm 2011	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Chương	Tổng Giám đốc	09 tháng 09 năm 2010	-
Ông Lâm Duy Anh Cường	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 09 năm 2010	10 tháng 2 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 09 năm 2010	-
Bà Huỳnh Ngọc Lệ Diễm	Kế toán trưởng	15 tháng 01 năm 2013	-

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hiện tượng làm thiệt hại đến tài sản của Công ty, cũng như các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 6 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 108/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2014, từ trang 08 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Thuận An đang được ghi nhận tại ngày kết thúc năm tài chính là 5.189.515.090 VND (xem thuyết minh số V.16) được xác định dựa trên theo số liệu Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Thuận An, do đó Chúng tôi không có cơ sở chắc chắn để đánh giá tính hợp lý của số liệu này.

- Khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Lắp Máy Điện Nước và Xây Dựng (xem thuyết minh số V12) được xác định trên cơ sở mức tổn thất còn lại sau khi bù trừ nợ phải thu của công ty này với khoản nợ phải trả cho Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội (xem thuyết minh số V.11, V.22) do Công ty Cổ phần Lắp Máy Điện Nước và Xây Dựng và Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội có quan hệ nội bộ tại thời điểm phát sinh giao dịch. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, thỏa thuận bù trừ công nợ 3 bên giữa Công ty, Công ty Cổ phần Lắp Máy Điện Nước và Xây Dựng và Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội chưa được xác lập bằng văn bản, do đó, chúng tôi không có cơ sở để đưa ý kiến về tình trạng của 2 khoản công nợ nêu trên cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty và đưa ra Báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 7 năm 2013 với kết luận Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa sau khi điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà Nước. Số liệu năm 2012 trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty đã được điều chỉnh lại toàn bộ theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (xem Phụ lục 1, 2 và 3).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nha Trang, ngày 26 tháng 6 năm 2014

Phan Thị Ngọc Trâm - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2013-008-1

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		255.171.791.937	232.560.511.944
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	129.984.520.479	136.528.516.226
1. Tiền	111		16.813.068.424	20.324.516.226
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.171.452.055	116.204.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		103.200.000.000	71.412.360.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	103.200.000.000	71.412.360.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.666.530.944	18.767.278.580
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	9.661.693.524	11.706.761.362
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	785.517.525	648.343.578
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	6.602.315.114	6.443.987.240
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(382.995.219)	(31.813.600)
IV. Hàng tồn kho	140		3.295.651.298	3.815.869.718
1. Hàng tồn kho	141	V.8	3.295.651.298	3.815.869.718
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.025.089.216	2.036.487.420
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		439.993.094	466.148.042
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		971.837.132	309.230.384
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	468.558.210	1.043.429.856
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	144.700.780	217.679.138

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kê toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		205.956.099.673	235.967.902.215
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.032.326.000	1.032.326.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.11	1.408.269.571	1.408.269.571
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.12	(375.943.571)	(375.943.571)
II. Tài sản cố định	220		122.511.287.001	140.735.705.280
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	122.117.282.667	139.200.456.718
<i>Nguyên giá</i>	222		246.817.877.423	264.626.852.584
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(124.700.594.756)	(125.426.395.866)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	60.131.573	95.061.521
<i>Nguyên giá</i>	228		141.302.500	152.302.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(81.170.927)	(57.240.979)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	333.872.761	1.440.187.041
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		78.095.335.751	91.179.127.039
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	67.183.171.182	83.338.738.395
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	12.178.776.080	9.078.776.080
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(1.266.611.511)	(1.238.387.436)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.317.150.921	3.020.743.896
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	3.925.666.921	2.700.359.896
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	391.484.000	320.384.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		461.127.891.610	468.528.414.159

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		161.840.715.758	172.726.363.625
I. Nợ ngắn hạn	310		76.295.924.227	82.138.898.869
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	4.417.463.750	6.399.463.750
2. Phải trả người bán	312	V.22	6.976.965.075	7.993.439.148
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	11.549.837.734	8.371.779.340
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	18.356.680.824	16.441.347.571
5. Phải trả người lao động	315	V.25	10.833.092.745	9.684.889.685
6. Chi phí phải trả	316	V.26	1.292.090.349	13.144.653.442
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	5.838.948.805	2.867.890.426
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.28	17.030.844.945	17.235.435.507
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		85.544.791.531	90.587.464.756
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	15.816.000.000	20.534.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.30	69.728.791.531	70.053.464.756
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		285.278.212.967	280.295.665.610
I. Vốn chủ sở hữu	410		285.278.212.967	280.295.665.610
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	163.685.676.008	163.685.676.008
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	39.832.146.422	2.075.788.965
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	-	24.936.176.979
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	81.760.390.537	89.598.023.658
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.32	14.008.962.885	15.506.384.924
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		461.127.891.610	468.528.414.159

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài					-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.33	3.443.145.494		3.443.145.494	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	V.34	2.091.738.435		2.192.058.627	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-		22.643.500	
5. Ngoại tệ các loại		-		-	
Dollar Mỹ (USD)		1,039,042.91		441.727,38	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-	

Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu

Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

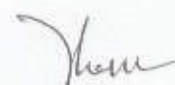
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	214.231.645.386	203.666.713.177
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	757.557.988	804.290.771
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	213.474.087.398	202.862.422.406
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	94.541.358.685	96.531.871.286
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		118.932.728.713	106.330.551.120
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	30.801.832.500	22.648.960.550
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.071.949.374	2.589.443.392
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.618.000.891	1.959.183.247
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	13.755.493.361	11.063.076.905
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	60.799.379.591	55.548.244.137
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.107.738.887	59.778.747.236
11. Thu nhập khác	31	VI.7	13.550.846.714	2.450.457.204
12. Chi phí khác	32	VI.8	859.902.316	6.814.190.460
13. Lợi nhuận khác	40		12.690.944.398	(4.363.733.256)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	(14.058.189.863)	(548.793.617)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.740.493.422	54.866.220.363
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		17.009.494.607	13.200.349.880
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.730.998.815	41.665.870.483
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3.074.745.528	2.826.220.347
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		51.656.253.287	38.839.650.136
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014


Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu


Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng




Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.740.493.422	54.866.220.363
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.13, V.14	13.712.046.100	14.268.869.549
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.18	379.405.694	82.282.395
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	86.351.682
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(15.023.375.916)	(1.710.458.383)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.618.000.891	1.959.183.247
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		72.426.570.191	69.552.448.853
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		155.002.991	54.085.523.496
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		317.144.184	(169.209.289)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.051.381.644)	(41.338.510.315)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		58.525.029	127.905.596
- Tiền lãi vay đã trả	13	VII.3	(1.618.000.891)	(1.959.183.247)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.24	(15.422.112.926)	(17.723.098.260)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.25	192.000.000	295.157.358
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.307.286.065)	(2.765.283.855)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.750.460.869	60.105.750.337
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13, V.15	(2.226.266.433)	(10.493.187.779)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	868.198.998
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2, V.17	(35.687.640.000)	(161.181.800.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.17	800.000.000	84.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		6.719.144.598	12.950.124.872
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.713.128.587	16.438.728.738
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.681.633.248)	(57.117.935.171)

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21	(6.700.000.000)	(4.900.341.250)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31	(36.934.854.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.634.854.000)	(4.900.341.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.566.026.379)	(1.912.526.084)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	136.528.516.226	138.497.486.396
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		22.030.632	(56.444.086)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	129.984.520.479	136.528.516.226



Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu



Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng



Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty TNHH MTV Nhà Nước
- Lĩnh vực kinh doanh :** Khách sạn - Du lịch - Đầu tư tài chính
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm :** Kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch
- Tổng số các công ty con :** 02.
Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</i>
Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Suối Dầu	Khu Công nghiệp Suối Dầu - Xã Suối Tân - Huyện Cam Lâm - Tỉnh Khánh Hòa	70	70
Công ty Cổ phần Khách Sạn Nha Trang	129 Thống Nhất – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa	51	51

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</i>
Công ty Cổ phần Thuận An	Tân Mỹ - Thuận An - Tỉnh Thừa Thiên Huế	28,82	28,82
Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An	68 Yersin - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa	25	25
Công ty Cổ phần Tân Việt	12- 14 Trần Phú - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa	38,08	38,08
Công ty Cổ phần Du Lịch và Khách Sạn Rạng Đông	18 Trần Hưng Đạo - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa	13,48	13,48

7. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

- Trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Khôi Nguyên (công ty con); Công ty Cổ phần Du Lịch Yersin (công ty liên kết) và Công ty Cổ phần Du Lịch Thủy Dương (công ty liên kết);

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty được giảm tiền thuê đất từ năm 2005 đến năm 2012 theo CV 5866/UBND-KT ngày 11 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa “Về việc miễn, giảm tiền Thuê đất đối với Khu nghỉ dưỡng Ana Mandara”. Khoản chi phí thuê đất này đã được dự phòng trong các năm tài chính trước nên được ghi nhận thu nhập khác trong năm nay, làm lợi nhuận trước thuế tăng so với năm trước 12.152.588.536 VND (xem thuyết minh số VI.7).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với chứng khoán không thu thập được giá giao dịch trên thị trường thì không lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 36 tháng đến 60 tháng

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 tháng đến 48 tháng

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty/ từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.790 VND/USD
31/12/2013 : 21.059 VND/USD

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.9.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	702.618.984	977.537.273
Tiền gửi ngân hàng	16.061.180.090	19.271.677.413
Tiền đang chuyển	49.269.350	75.301.540
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	113.171.452.055	116.204.000.000
Cộng	<u>129.984.520.479</u>	<u>136.528.516.226</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng tại các Ngân hàng.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Nha Trang	40.200.000.000	41.712.360.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	21.900.000.000	6.200.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	14.500.000.000	21.500.000.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Tp.Hồ Chí Minh	11.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	9.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương	2.500.000.000	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang	2.100.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.000.000.000	-
Cộng	<u>103.200.000.000</u>	<u>71.412.360.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ khách sạn	7.668.402.042	7.996.729.334
Phải thu khách hàng cho thuê cơ sở hạ tầng	1.695.254.482	2.072.615.032
Phải thu khách hàng hoạt động du lịch	298.037.000	338.640.000
Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ giặt ủi	-	1.298.776.996
Cộng	<u>9.661.693.524</u>	<u>11.706.761.362</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước người bán cho hoạt động đầu tư tài sản	59.000.000	52.500.000
Trả trước người bán cho hoạt động kinh doanh	726.517.525	595.843.578
Cộng	785.517.525	648.343.578

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	30.796.465	24.594.392
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	3.464.410.985	1.944.024.000
Công ty Cổ phần Thuận An	1.446.883.145	1.333.830.753
Công ty TNHH Du Lịch Hồng Hải	850.897.400	780.159.089
Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An	423.303.735	742.322.477
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Du Lịch Cát Trắng	-	45.448.000
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	17.746.499	93.006.406
Các khoản phải thu khác	368.276.885	1.480.602.123
Cộng	6.602.315.114	6.443.987.240

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu của các khách hàng sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Du Lịch Cát Trắng	105.448.000	31.813.600
Công ty TNHH Nguyên Liệu Giấy Tân Hưng Long	216.622.746	-
Công ty TNHH Tài Nguyên Sanh	10.283.000	-
Công ty TNHH Sao Đại Hùng	50.641.473	-
Cộng	382.995.219	31.813.600

Biến động khoản trích lập dự phòng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	31.813.600	22.724.000
Trích lập trong năm	351.181.619	9.089.600
Số cuối năm	382.995.219	31.813.600

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.199.467.756	550.967.586
Công cụ dụng cụ	527.614.002	2.697.349.482
Hàng hóa	568.569.540	567.552.650
Cộng	3.295.651.298	3.815.869.718



CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	20.074.912	466.148.042
Chi phí khác	419.918.182	-
Cộng	<u>439.993.094</u>	<u>466.148.042</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	432.537	432.537
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	468.125.673	1.042.997.319
Cộng	<u>468.558.210</u>	<u>1.043.429.856</u>

(*) Khoản tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Suối Dầu theo quyết định số 368/QĐ-CT ngày 29/3/2013 của Cục thuế Khánh Hòa đối với thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu từ năm 2008 đến năm 2010 và phạt 10%. Tại thời điểm lập Báo cáo này, Công ty vẫn đang chờ các cơ quan chức năng có liên quan trả lời về việc xem xét lại quyết định truy thu thuế nêu trên và các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Suối Dầu (trước đây là Xí nghiệp Phát Triển Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Suối Dầu – trực thuộc Công ty Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	100.427.077
Tạm ứng	127.932.780	85.464.811
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.768.000	31.787.250
Cộng	<u>144.700.780</u>	<u>217.679.138</u>

11. Phải thu dài hạn khách hàng

Khoản phải thu Xí nghiệp 7 – Công ty Cổ phần Lắp Máy Điện Nước và Xây Dựng. Khoản phải thu này đã quá hạn trên 3 năm và đã được lập dự phòng (xem thuyết minh V.12).

12. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

Dự phòng khoản phải thu Xí nghiệp 7 – Công ty Cổ phần Lắp Máy Điện Nước và Xây Dựng.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	190.168.250.426	61.654.359.196	9.363.076.263	2.283.517.027	1.157.649.672	264.626.852.584
Mua sắm mới	344.456.582	733.922.705	569.807.727	37.554.545	313.798.857	1.999.540.416
Tăng khác	380.855	-	-	-	-	380.855
Phân loại sang công cụ dụng cụ	(70.973.770)	(4.597.347.922)	(2.000.000)	(1.144.045.401)	(1.204.471.434)	(7.018.838.527)
Giảm do thanh lý công ty con	(3.306.628.304)	(8.296.096.675)	(1.123.421.147)	(63.911.779)	-	(12.790.057.905)
Số cuối năm	187.135.485.789	49.494.837.304	8.807.462.843	1.113.114.392	266.977.095	246.817.877.423
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	80.232.916.977	38.544.882.191	4.041.717.512	1.745.012.631	861.866.555	125.426.395.866
Trích khấu hao	9.467.920.410	2.741.231.664	1.279.044.061	134.206.725	57.157.736	13.679.560.596
Phân loại sang công cụ dụng cụ	(29.432.877)	(3.884.001.539)	(2.000.000)	(786.550.507)	(717.647.192)	(5.419.632.115)
Giảm do thanh lý công ty con	(1.918.308.872)	(6.248.597.175)	(754.911.765)	(63.911.779)	-	(8.985.729.591)
Số cuối năm	87.753.095.638	31.153.515.141	4.563.849.808	1.028.757.070	201.377.099	124.700.594.756
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	109.935.333.449	23.109.477.005	5.321.358.751	538.504.396	295.783.117	139.200.456.718
Số cuối năm	99.382.390.151	18.341.322.163	4.243.613.035	84.357.322	65.599.996	122.117.282.667

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là bản quyền phần mềm kế toán. Phát sinh trong năm như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	152.302.500	57.240.979	95.061.521
Khấu hao trong năm	-	32.485.504	-
Phân loại sang công cụ dụng cụ	<u>(11.000.000)</u>	<u>(8.555.556)</u>	-
Số cuối năm	<u>141.302.500</u>	<u>81.170.927</u>	<u>60.131.573</u>

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-
XDCB dở dang	1.440.187.041	226.345.162	(1.332.659.442)	333.872.761
- Khu du lịch Yersin Hòn Bà	1.327.177.442	5.482.000	(1.332.659.442)	-
- Khu nước khoáng Suối Dầu	113.009.599	35.810.000	-	148.819.599
- Hệ thống Aeroten nước thải	-	185.053.162	-	185.053.162
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-
Cộng	<u>1.440.187.041</u>	<u>226.345.162</u>	<u>(1.332.659.442)</u>	<u>333.872.761</u>

16. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Thuận An ^(a)	3.807.760	5.189.515.090	3.807.760	15.784.368.864
Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An ^(b)	2.250.000	14.586.870.497	2.250.000	14.687.734.527
Công ty Cổ phần Tân Việt ^(c)	2.450.000	46.960.140.820	2.450.000	51.097.832.173
Công ty Cổ phần Du Lịch và Khách Sạn Rạng Đông ^(d)	4.500	446.644.775	4.500	446.644.775
Công ty Cổ phần Du Lịch Thùy Dương ^(e)	-	-	90.000	1.308.778.491
Công ty Cổ phần Du Lịch Yersin ^(f)	-	-	4.000	13.379.565
Cộng		<u>67.183.171.182</u>		<u>83.338.738.395</u>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Phân bổ lợi thế thương mại	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Thu hồi khoản đầu tư	Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận sau thuế	Tặng/giam khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty CP Thuận An	15.784.368.864	(11.159.186.672)	(11.856.000)	-	(184.944)	-	-	576.373.842	5.189.515.090
Công ty CP Phát Triển Du Lịch Tân An	14.687.734.527	412.783.229	-	-	147.683.133	-	-	(661.330.392)	14.586.870.497
Công ty CP Tân Việt	51.097.832.173	7.463.369.696	(554.680.000)	(10.518.061.215)	-	-	(528.319.834)	-	46.960.140.820
Công ty CP Du Lịch và Khách Sạn Rạng Đông	446.644.775	-	-	-	-	-	-	-	446.644.775
Công ty CP Du Lịch Thủy Dương	1.308.778.491	-	-	(180.000.000)	-	(1.128.778.491)	-	-	-
Công ty CP Du Lịch Yersin	13.379.565	-	-	-	-	(13.379.565)	-	-	-
Cộng	83.338.738.395	(3.283.033.747)	(566.536.000)	(10.698.061.215)	147.498.189	(1.142.158.056)	(528.319.834)	(84.956.550)	67.183.171.182

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300389978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Thừa Thiên – Huế cấp ngày 16 tháng 5 năm 2006 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 7 ngày 25 tháng 01 năm 2011, Công ty đăng ký góp vốn vào Công ty Cổ phần Thuận An 24.500.000.000 VND, tương đương 30,625% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký với giá trị phần vốn đã góp là 24.618.560.000 VND.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000112 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 7 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4200571417 ngày 30 tháng 08 năm 2010 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (do Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An thay đổi trụ sở chính), Công ty đăng ký góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Du Lịch Tân An 22.500.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký.
- Khoản góp vốn này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Phát triển Du Lịch Tân An tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Nha Trang (xem thuyết minh số VII.1)
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000091 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 08 tháng 4 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh đến lần thứ hai ngày 5 tháng 10 năm 2006, Công ty đăng ký góp vốn vào Công ty Cổ phần Tân Việt 38.077.600.000 VND, tương đương 38,08% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký với giá trị phần vốn đã góp là 43.624.400.000 VND.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000225 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006, Công ty đăng ký góp vốn vào Công ty Cổ phần Du Lịch và Khách Sạn Rạng Đông 9.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 450.000.795 VND. Dự án này đã bị thu hồi giấy phép đầu tư do triển khai không đúng tiến độ.
- (e) Trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Du Lịch Thùy Dương.
- (f) Trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Du Lịch Yersin.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Các khoản đầu tư cổ phiếu		8.278.776.080		8.278.776.080
- Công ty Cổ phần Việt Tin	6.300	6.844.286.080	6.300	6.844.286.080
- Công ty Cổ phần Quản Lý Quy Hoạch và Phát Triển Cơ Sở Hạ Tầng Lăng Cô Huế	140.000	1.400.000.000	140.000	1.400.000.000
- Công ty Cổ phần Thương Mại Sabeco Nam Trung Bộ	3.449	34.490.000	3.449	34.490.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 1 năm		3.900.000.000		-
Cho vay dài hạn - Công ty Cổ phần Phát triển Du Lịch Tân An		-		800.000.000
Cộng		12.178.776.080		9.078.776.080

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Khoản dự phòng khoản lỗ tại Công ty Cổ phần Việt Tin tương ứng tỷ lệ sở hữu. Phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.238.387.436	1.156.105.041
Trích dự phòng trong năm	28.224.075	82.282.395
Số cuối năm	<u>1.266.611.511</u>	<u>1.238.387.436</u>

19. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	3.174.174.281	1.543.624.245
Tiền thuê đất	-	595.036.123
Chi phí khác	751.492.640	561.699.528
Cộng	<u>3.925.666.921</u>	<u>2.700.359.896</u>

20. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

Vay dài hạn đến hạn trả các tổ chức tín dụng, chi tiết:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Khánh Hòa – VDB Khánh Hòa (*)	1.617.463.750	3.899.463.750
Khoản vay Quỹ Đầu Tư Phát Triển Khánh Hòa - KDIF (xem thuyết minh số V.21)	2.800.000.000	2.500.000.000
Cộng	<u>4.417.463.750</u>	<u>6.399.463.750</u>

(*) Khoản vay theo hợp đồng số 03/2004/HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2004; số tiền vay là 33.600.000.000 VND; mục đích vay: đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Suối Dầu giai đoạn II; lãi suất tiền vay 4,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và bảo lãnh của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>VDB Khánh Hòa</u>	<u>KDIF</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	3.899.463.750	2.500.000.000	6.399.463.750
Số trả nợ vay trong năm	(3.900.000.000)	(2.800.000.000)	(6.700.000.000)
Số kết chuyển	1.618.000.000	3.100.000.000	4.718.000.000
Số cuối năm	<u>1.617.463.750</u>	<u>2.800.000.000</u>	<u>4.417.463.750</u>

22. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội	1.032.326.000	1.032.326.000
Sustainable Luxury Mauritius Limited	942.746.989	1.470.960.691
Công ty Cổ phần Khôi Nguyên	209.643.191	-
Các nhà cung cấp khác	4.792.248.895	5.490.152.457
Cộng	<u>6.976.965.075</u>	<u>7.993.439.148</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trả trước/đặt cọc để sử dụng dịch vụ khách sạn	10.821.138.734	7.851.067.469
Khách hàng trả trước cho hoạt động du lịch	-	5.881.000
Khách hàng trả trước cho hoạt động khác	728.699.000	514.830.871
Cộng	<u>11.549.837.734</u>	<u>8.371.779.340</u>

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	997.058.086	1.672.057.440
Thuế tiêu thụ đặc biệt	84.344.466	65.254.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.624.083.319	308.449.383
Thuế thu nhập cá nhân	285.352.363	1.174.000.689
Thuế tài nguyên	612.000	612.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.264.861.625	12.947.971.725
Các loại thuế khác	93.101.465	226.081.925
Các khoản phải nộp khác	7.267.500	46.920.000
Cộng	<u>18.356.680.824</u>	<u>16.441.347.571</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ xử lý nước thải, rác, phí môi trường	Không chịu thuế
Cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt	5%
Các dịch vụ khác	10%

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tập đoàn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho dịch vụ massage với thuế suất là 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Toàn bộ doanh thu phí phục vụ tại Công ty mẹ được chi trả cho người lao động (sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp). Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với chi phí phí phục vụ được nộp cho ngân sách từ quỹ phí phục vụ nên Báo cáo tài chính của Tập đoàn không ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp này.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải trả tiền thuê đất, mặt biển theo Hợp đồng thuê đất và mặt biển số 06/2005 ngày 21 tháng 3 năm 2005 giữa Công ty và Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Khánh Hòa cho diện tích đất và mặt biển 20.166 m² tại vùng Hải Dương – Đường Trần Phú – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa (khách sạn Ana Mandara). Thời hạn thuê từ ngày 22 tháng 11 năm 2002 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022. Giá thuê mặt biển là 4.500.000 VND/năm. Từ ngày 31 tháng 12 năm 2005, giá thuê đất được áp dụng theo giá quy định của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25. Phải trả người lao động**

Tại Công ty mẹ, quỹ tiền lương năm 2013 được xác định theo 2 giai đoạn: 4 tháng đầu năm 2013 và 8 tháng cuối năm 2013 theo các quy định về xác định quỹ tiền lương tại Công ty TNHH MTV Nhà Nước. Quỹ tiền lương của viên chức quản lý doanh nghiệp trong cả năm 2013 là 1.990.176.667 VND; quỹ tiền lương của người lao động trong cả năm 2013 là 25.559.196.874 VND.

26. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất, mặt biển	-	12.152.588.536
Lương năng suất người nước ngoài	332.353.138	160.028.310
Chi phí quảng bá	642.938.000	-
Chi phí khác	316.799.211	832.036.596
Cộng	<u>1.292.090.349</u>	<u>13.144.653.442</u>

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	23.593.741	49.166.065
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	17.509.600	-
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	2.177.050.153	-
Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa (*)	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Đại Thuận - tiền đặc cọc dự thầu	225.000.000	-
Các khoản phải trả khác	1.595.795.311	1.018.724.361
Cộng	<u>5.838.948.805</u>	<u>2.867.890.426</u>

(*) Theo Quyết định số 3100/QĐ-UB ngày 17/9/2002 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt giá trị đã đầu tư trên 4,5 ha đất tại Khu mỏ nước khoáng Suối Dầu của Xi nghiệp phát triển hạ tầng khu công nghiệp Suối Dầu (nay là Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Suối Dầu) bàn giao cho Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa và sẽ được Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa thanh toán với giá trị là 2.284.258.015 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Tuy nhiên, cho đến thời điểm này, Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa chỉ thanh toán cho Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Suối Dầu số tiền 1.800.000.000 VND. Cho đến nay, các bên vẫn chưa tiến hành thủ tục bàn giao giá trị đầu tư đã được phê duyệt nêu trên.

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban điều hành</u>	<u>Quỹ phúc lợi từ nguồn phí phục vụ</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	14.358.566.434	617.328.639	2.259.540.434	17.235.435.507
Trích từ lợi nhuận sau thuế trong năm	6.989.267.542	248.772.083	-	7.238.039.625
Trích từ phí phục vụ trong năm	-	-	6.913.009.016	6.913.009.016
Tặng do nhận thưởng khác trong năm	130.000.000	-	-	130.000.000
Bảo Việt Nhân Thọ chuyển tiền bảo hiểm đáo hạn theo hợp đồng (cá nhân nghỉ việc trước thời hạn)	57.600.000	-	-	57.600.000

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Quỹ phúc lợi từ nguồn phí phục vụ	Cộng
Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp phí phục vụ	-	-	(1.728.252.255)	(1.728.252.255)
Điều chuyển nguồn	(1.035.168.003)	1.035.168.003	-	-
Chi quỹ trong năm	(6.006.852.399)	(350.000.000)	(6.152.830.747)	(12.509.683.146)
Giảm do thanh lý công ty con	(305.303.802)	-	-	(305.303.802)
Số cuối năm	14.188.109.772	1.551.268.725	1.291.466.448	17.030.844.945

29. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Khánh Hòa - KDIF (*)	15.816.000.000	18.916.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Khánh Hòa – VDB Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.19)	-	1.618.000.000
Cộng	15.816.000.000	20.534.000.000

(*) Khoản vay theo hợp đồng số 05/2007/HĐTD ngày 31/12/2007 và hợp đồng số 05/2009/HĐTD ngày 05/8/2009 với hạn mức vay tối đa lần lượt là 19.760.000.000 VND và 6.000.000.000 VND; mục đích vay để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Suối Dầu giai đoạn II, lãi suất tiền vay lần lượt là 8,4%/năm và 6,9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và bảo lãnh của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống (xem thuyết minh số V.21)	4.417.463.750	6.399.463.750
Trên 1 năm đến 5 năm	13.500.000.000	16.918.000.000
Trên 5 năm	2.316.000.000	3.616.000.000
Cộng	20.233.463.750	26.933.463.750

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn trong năm như sau:

	VDB Khánh Hòa	KDIF	Cộng
Số đầu năm	18.916.000.000	1.618.000.000	20.534.000.000
Số kết chuyển	(3.100.000.000)	(1.618.000.000)	(4.718.000.000)
Số cuối năm	15.816.000.000	-	15.816.000.000

30. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Suối Dầu	69.690.791.531	70.016.964.756
Doanh thu cho thuê khác	38.000.000	36.500.000
Cộng	69.728.791.531	70.053.464.756

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**31. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	163.685.676.008	1.750.910.688	20.706.552.349	59.608.196.231	245.751.335.276
Lợi nhuận sau thuế trong năm trước (đã điều chỉnh theo KTTN)	-	-	-	38.839.650.136	38.839.650.136
Phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	383.427.780	4.172.937.928	(4.556.365.708)	-
Điều chỉnh theo Theo TB xử lý KL Thanh tra 8/8/12 của UB tỉnh & CV 148/TMDT 15/10/12)	-	(58.549.503)	56.686.702	1.862.801	-
Điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán Nhà Nước đối với lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	56.699.013	56.699.013
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.003.242.473)	(4.003.242.473)
Điều chỉnh trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Các khoản chi khác	-	-	-	(98.776.342)	(98.776.342)
Số dư cuối năm trước	163.685.676.008	2.075.788.965	24.936.176.979	89.598.023.658	280.295.665.610
Số dư đầu năm nay	163.685.676.008	2.075.788.965	24.936.176.979	89.598.023.658	280.295.665.610
Lợi nhuận sau thuế trong năm nay	-	-	-	51.656.253.287	51.656.253.287
Phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	16.020.198.932	-	(16.020.198.932)	-
Điều chỉnh trích lập quỹ trong năm 2012	-	-	(1.046.523.548)	1.046.523.548	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(6.890.807.812)	(6.890.807.812)
Nộp lợi nhuận về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	(36.934.854.000)	(36.934.854.000)

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kết chuyển tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận còn lại năm 2012 sau khi hoàn trả vốn DA KDL Yersin (theo CV 3177/STC-DT ngày 15/08/2013 của STC)	2.131.883.195	-	-	(2.131.883.195)	-
Nộp trả Ngân sách NN chênh lệch vốn cấp dự án KDL Yersin (Hòn Bà)-theo CV 3177/STC-DT ngày 15/08/2013 của STC)	(2.131.883.195)	-	-	-	(2.131.883.195)
Kết chuyển quỹ	-	23.461.754.032	(23.461.754.032)	-	-
Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế tại Công ty con, Công ty liên kết	-	-	-	(765.507.624)	(765.507.624)
Điều chỉnh các khoản trích quỹ trong các năm trước	-	(1.725.595.507)	(427.899.399)	2.153.494.906	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	49.346.701	49.346.701
Số dư cuối năm nay	163.685.676.008	39.832.146.422	-	81.760.390.537	285.278.212.967

(*) Công ty tạm trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thường Ban điều hành theo tiêu chí doanh nghiệp loại A do năm 2013 chưa có kết quả xếp loại doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**32. Lợi ích cổ đông thiểu số**

Lợi ích cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của các cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.506.384.924	15.589.748.487
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	3.074.745.528	2.826.220.347
Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế	(460.821.919)	(404.283.910)
Cổ tức đã nhận trong năm	(1.149.879.250)	(2.505.300.000)
Giảm do thanh lý Công ty con	(2.939.438.596)	-
Điều chỉnh khác	(22.027.802)	-
Cộng	<u>14.008.962.885</u>	<u>15.506.384.924</u>

33. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

Tài sản hình thành từ khoản đầu tư vào Khu công nghiệp Suối Dầu là hệ thống thoát nước mà Công ty giữ hộ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa.

34. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sản phẩm ngọc trai của Ông Lưu Đình Nhựt	1.032.309.740	1.049.899.740
Sản phẩm của Công ty Việt An Phong	267.000.600	340.168.200
Khách hàng khác	792.428.095	801.990.687
Cộng	<u>2.091.738.435</u>	<u>2.192.058.627</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	214.231.645.386	203.666.713.177
Các khoản giảm trừ doanh thu	757.557.988	804.290.771
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>757.557.988</i>	<i>804.290.771</i>
Doanh thu thuần	<u>213.474.087.398</u>	<u>202.862.422.406</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ khách sạn và các dịch vụ đi kèm tại Khu nghỉ mát AnaMandara Nha Trang	147.509.539.526	143.344.311.509
Doanh thu dịch vụ khách sạn và các dịch vụ đi kèm tại Khách Sạn Nha Trang	19.136.294.619	21.682.619.504
Doanh thu giặt ủi	13.796.304.631	12.041.461.439
Doanh thu cho thuê đất, cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Suối Dầu	8.519.557.063	7.014.466.481
Doanh thu xây lắp	50.160.000	-
Doanh thu cung cấp nước sạch, xử lý chất thải tại Khu công nghiệp Suối Dầu	14.009.992.371	10.161.587.404

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ lữ hành	9.419.713.784	7.535.682.040
Doanh thu bán vé máy bay	308.472.014	475.029.256
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	724.053.390	607.264.773
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ khách sạn và các dịch vụ đi kèm tại Khu nghỉ mát Ana Mandara Nha Trang	55.723.140.402	55.949.889.678
Giá vốn cung cấp dịch vụ khách sạn và các dịch vụ đi kèm tại Khách Sạn Nha Trang	15.273.165.767	17.799.302.527
Giá vốn dịch vụ giặt ủi	7.327.522.437	8.941.676.843
Giá vốn cho thuê đất, cơ sở hạ tầng, cung cấp nước sạch, xử lý chất thải, doanh thu xây lắp tại Khu công nghiệp Suối Dầu	7.819.853.392	6.787.332.989
Giá vốn cung cấp dịch vụ lữ hành và bán vé máy bay	8.397.676.687	6.763.068.249
Giá vốn khác	-	290.601.000
Cộng	<u>94.541.358.685</u>	<u>96.531.871.286</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.974.678.372	16.919.760.924
Cổ tức, lợi tức được chia	10.704.959.215	5.318.091.090
Doanh thu chuyển nhượng cổ phiếu	3.699.099.040	-
Lãi ký quỹ	4.069.898	-
Lãi cho vay	33.491.000	240.966.468
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	385.418.975	126.616.204
Doanh thu hoạt động tài chính khác	116.000	43.525.864
Cộng	<u>30.801.832.500</u>	<u>22.648.960.550</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.618.000.891	1.959.183.247
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	28.224.075	82.282.395
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	299.193.047	492.409.568
Chi phí chuyển nhượng cổ phiếu	114.109.091	-
Chi phí tài chính khác	12.422.270	55.568.182
Cộng	<u>2.071.949.374</u>	<u>2.589.443.392</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.551.216.701	2.906.491.987
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	188.953.500	118.881.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.127.909	9.346.212
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	1.193.277.756	903.170.117
Chi phí khác bằng tiền	8.817.917.495	7.125.186.988
Cộng	<u>13.755.493.361</u>	<u>11.063.076.905</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	23.949.342.258	20.557.943.750
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.750.390.033	300.233.262
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.040.353.358	4.853.192.293
Chi phí dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng	13.634.400	9.089.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.361.940.320	13.097.328.528
Chi phí khác bằng tiền	18.683.719.222	16.730.456.704
Cộng	<u>60.799.379.591</u>	<u>55.548.244.137</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thuê đất được giảm	12.152.588.536	-
Thù lao người đại diện góp vốn	254.090.000	218.110.000
Thanh lý tài sản cố định	56.972.727	868.198.998
Thu nhập từ xử lý công nợ	66.257.841	441.298.170
Các khoản thu nhập khác	1.020.937.610	922.850.036
Cộng	<u>13.550.846.714</u>	<u>2.450.457.204</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	39.093.334	10.314.000
Chi nộp phạt chậm, truy thu thuế	33.647.587	-
Tiền thuê đất	262.571.162	6.210.862.500
Chi thù lao người đại diện góp vốn	254.090.000	218.110.000
Chi phí khác	270.500.233	374.903.960
Cộng	<u>859.902.316</u>	<u>6.814.190.460</u>

9. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi/(Lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	(2.793.592.648)	1.710.458.383
Phân bổ lợi thế thương mại	(566.536.000)	(566.536.000)
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết	(10.698.061.215)	(1.692.716.000)
Cộng	<u>(14.058.189.863)</u>	<u>(548.793.617)</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Tập đoàn có các cam kết đảm bảo thanh toán các hợp đồng vay tại các bên liên quan khác như sau:

- Khoản vay của Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Suối Dầu tại Quỹ Đầu Tư Phát Triển Khánh Hòa:
 - Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 05/2007/HĐTD ngày 31/12/2007 với số tiền vay là 19.760.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa 144 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bởi hợp đồng bảo hiểm tiền vay số 06/2007/HĐTCTS - TL ngày 31/12/2007 giữa Ngân hàng Phát Triển Việt Nam và Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa.
 - Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 05/2009/HĐTD ngày 05/08/2009. Mục đích đầu tư cho dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Suối Dầu giai đoạn 2, với tổng mức vốn đầu tư là 71.690.000.000 VND. Số tiền vay là 6.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 114 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay và bảo lãnh của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa.
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Nha Trang theo hợp đồng số 02/NHNT-TA ngày 27/02/2007 và các Phụ lục đính kèm để thanh toán chi phí thi công, xây dựng, mua sắm trang thiết bị và lãi vay ngân hàng trong thời gian xây dựng dự án khu nghỉ mát Ana Mandara Villas Đà Lạt. Khoản vay này được đảm bảo thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay bao gồm toàn bộ các công trình kiến trúc, tài sản gắn liền với công trình và tài sản gắn liền với hoạt động của khu nghỉ mát và thế chấp quyền đối với vốn góp của các cổ đông trong Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An. Công ty cam kết bảo lãnh với số tiền cam kết là 500,000.00 USD.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn đã bàn giao Khu nghỉ mát Ana Mandara để góp vốn thành lập Công ty TNHH Sovico Khánh Hòa. Thời điểm bàn giao là 28 ngày 02 tháng năm 2014. Tại thời điểm lập Báo cáo này, các thủ tục bàn giao đang được thực hiện.

Công ty TNHH Sovico Khánh Hòa được thành lập bởi Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa và Sovico Holdings. Tỷ lệ góp vốn của các bên lần lượt là 35% và 65%.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp được hưởng theo quy chế của Công ty.

Giao dịch với Chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã hoàn trả vốn dự án Khu Du Lịch Yersin theo công văn 3177/STC-ĐT ngày 15/08/2013 của Sở Tài Chính Khánh Hòa cho chủ sở hữu với số tiền 2.131.883.195 VND và chuyển lợi nhuận về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp SCIC với số tiền 36.934.854.000 VND (trong đó từ lợi nhuận năm 2010 là 26.934.854.000 VND và năm 2013 là 10.000.000.000 VND) (xem thuyết minh số V.31).

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tân Việt	Công ty liên kết, Công ty sở hữu 38,08% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An	Công ty liên kết, Công ty sở hữu 25% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Thuận An	Công ty liên kết, Công ty sở hữu 29,878% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Du Lịch và Khách Sạn Rạng Đông	Công ty liên kết, Công ty đăng ký sở hữu 30% vốn điều lệ

Các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<u>Công ty Cổ phần Tân Việt</u>	-	-
Công ty nhận cổ tức bằng tiền	10.518.061.215	1.332.716.000
<u>Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An</u>	-	-
Lãi cho vay được nhận	60.598.397	224.789.000
Phí sử dụng thương hiệu Ana Mandara	87.460.306	190.436.079
<u>Công ty Cổ phần Thuận An</u>	-	-
Phí quản lý được nhận	527.665.343	581.202.001
Phí sử dụng thương hiệu Ana Mandara	156.927.741	250.179.404

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Thuận An	1.446.883.145	1.333.830.753
Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An	423.303.735	415.225.079
Cộng các khoản phải thu	1.870.186.880	1.749.055.832

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

4. Các sai sót

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng đã được Kiểm toán Nhà nước Khu vực VIII kiểm toán.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước được trình bày ở Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 đính kèm.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế với các qui định chặt chẽ về các hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty liên kết vay tiền. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	129.984.520.479	-	129.984.520.479
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	103.200.000.000	-	103.200.000.000
Phải thu khách hàng	9.172.344.683	1.897.618.412	11.069.963.095
Các khoản cho vay	-	-	-
Các khoản phải thu khác	6.496.867.114	105.448.000	6.602.315.114
Cộng	248.853.732.276	2.003.066.412	250.856.798.688
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.528.516.226	-	136.528.516.226
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	71.412.360.000	-	71.412.360.000
Phải thu khách hàng	11.706.761.362	1.408.269.571	13.115.030.933
Các khoản cho vay	800.000.000	-	800.000.000
Các khoản phải thu khác	6.398.539.240	45.448.000	6.443.987.240
Cộng	226.846.176.828	1.453.717.571	228.299.894.399

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)



Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Toàn bộ các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	6.976.965.075	6.399.463.750
Các khoản phải trả khác	5.797.845.464	2.818.724.361
Cộng	<u>12.774.810.539</u>	<u>9.218.188.111</u>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro ngoại tệ.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	129.984.520.479	-	136.528.516.226	-	129.984.520.479	136.528.516.226
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	103.200.000.000	-	71.412.360.000	-	103.200.000.000	71.412.360.000
Phải thu khách hàng	11.069.963.095	(653.490.790)	13.115.030.933	(375.943.571)	10.416.472.305	12.739.087.362
Các khoản cho vay		-	800.000.000	-		800.000.000
Các khoản phải thu khác	6.602.315.114	(277.547.219)	6.443.987.240	(105.448.000)	6.324.767.895	6.338.539.240
Cộng	250.856.798.688	(931.038.009)	228.299.894.399	(481.391.571)	249.925.760.679	227.818.502.828

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	6.976.965.075	6.399.463.750	6.976.965.075	6.399.463.750
Các khoản phải trả khác	5.797.845.464	2.818.724.361	5.797.845.464	2.818.724.361
Cộng	12.774.810.539	9.218.188.111	12.774.810.539	9.218.188.111

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu

Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh	Đơn vị tính: VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	230.992.610.333	1.567.901.611	232.560.511.944	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	136.528.516.226	-	136.528.516.226	
1. Tiền	20.324.516.226	-	20.324.516.226	
2. Các khoản tương đương tiền	116.204.000.000	-	116.204.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	71.412.360.000	-	71.412.360.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	71.412.360.000	-	71.412.360.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	18.290.347.797	476.930.783	18.767.278.580	
1. Phải thu khách hàng	11.706.761.362	-	11.706.761.362	
2. Trả trước cho người bán	648.343.578	-	648.343.578	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	
5. Các khoản phải thu khác	5.967.056.457	476.930.783	6.443.987.240	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(31.813.600)	-	(31.813.600)	
IV. Hàng tồn kho	3.815.869.718	-	3.815.869.718	
1. Hàng tồn kho	3.815.869.718	-	3.815.869.718	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước		Số liệu sau điều chỉnh	
		Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
TÀI SẢN					
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	945.516.592	1.090.970.828	2.036.487.420	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	466.148.042	-	466.148.042	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	261.256.875	47.973.509	309.230.384	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	432.537	1.042.997.319	1.043.429.856	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157	-	-	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	217.679.138	-	217.679.138	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	234.274.245.823	1.693.656.392	235.967.902.215	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	1.032.326.000	1.032.326.000	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	1.408.269.571	-	1.408.269.571	
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-	-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-	-	
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-	-	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(1.408.269.571)	1.032.326.000	(375.943.571)	
II. Tài sản cố định	220	140.735.705.280	-	140.735.705.280	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	139.200.456.718	-	139.200.456.718	
Nguyên giá	222	264.626.852.584	-	264.626.852.584	
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(125.426.395.866)	-	(125.426.395.866)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-	
Nguyên giá	225	-	-	-	
Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-	-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	95.061.521	-	95.061.521	
Nguyên giá	228	152.302.500	-	152.302.500	
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(57.240.979)	-	(57.240.979)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	1.440.187.041	-	1.440.187.041	



CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước		Số liệu sau điều chỉnh	
		Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
TÀI SẢN					
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-	-	-
Nguyên giá	241	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	90.517.796.647	661.330.392	91.179.127.039	
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	82.677.408.003	661.330.392	83.338.738.395	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9.078.776.080	-	9.078.776.080	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(1.238.387.436)	-	(1.238.387.436)	
V. Tài sản dài hạn khác	260	3.020.743.896	-	3.020.743.896	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2.700.359.896	-	2.700.359.896	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	320.384.000	-	320.384.000	
VI. Lợi thế thương mại	269	-	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	465.266.856.156	3.261.558.003	468.528.414.159	

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Số liệu sau điều chỉnh	
		Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
NGUỒN VỐN			
A - NỢ PHẢI TRẢ			
I. Nợ ngắn hạn			
1.	Vay và nợ ngắn hạn	11.196.998.595	172.726.363.625
2.	Phải trả người bán	-	82.138.898.869
3.	Người mua trả tiền trước	-	6.399.463.750
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(40.871.000)	7.993.439.148
5.	Phải trả người lao động	11.323.379.863	8.371.779.340
6.	Chi phí phải trả	-	16.441.347.571
7.	Phải trả nội bộ	-	9.684.889.685
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	13.144.653.442
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	(85.510.268)	2.867.890.426
		-	-
		17.320.945.775	17.235.435.507
		-	-
		90.587.464.756	90.587.464.756
II. Nợ dài hạn			
1.	Phải trả dài hạn người bán	-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
		70.053.464.756	70.053.464.756
		-	-

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Vốn chủ sở hữu			
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
2.	Thặng dư vốn cổ phần		
3.	Vốn khác của chủ sở hữu		
4.	Cổ phiếu quỹ		
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
7.	Quỹ đầu tư phát triển		
8.	Quỹ dự phòng tài chính		
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
1.	Nguồn kinh phí		
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			
400	288.252.994.708	(7.957.329.098)	280.295.665.610
410	288.252.994.708	(7.957.329.098)	280.295.665.610
411	163.685.676.008	-	163.685.676.008
412	-	-	-
413	-	-	-
414	-	-	-
415	-	-	-
416	(661.330.392)	661.330.392	-
417	2.075.788.965	-	2.075.788.965
418	24.936.176.979	-	24.936.176.979
419	-	-	-
420	129.270.186.152	(39.672.162.494)	89.598.023.658
421	-	-	-
422	(31.053.503.004)	31.053.503.004	-
430	-	-	-
432	-	-	-
433	-	-	-
439	15.484.496.418	21.888.506	15.506.384.924
440	465.266.856.156	3.261.558.003	468.528.414.159

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
	1. Tài sản thuế ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	3.443.145.494	-	3.443.145.494
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	2.192.058.627	-	2.192.058.627
4. Nợ khó đòi đã xử lý	22.643.500	-	22.643.500
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)	441.727,38	-	441.727,38
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

Handwritten signature

Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu

Handwritten signature

Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng



Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 2: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót		Số liệu sau điều chỉnh	Đơn vị tính: VND
			Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	203.666.713.177	-	-	203.666.713.177	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	804.290.771	-	-	804.290.771	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	202.862.422.406	-	-	202.862.422.406	
4. Giá vốn hàng bán	11	90.411.126.383	6.120.744.903		96.531.871.286	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	112.451.296.023	(6.120.744.903)		106.330.551.120	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.391.861.939	257.098.611		22.648.960.550	
7. Chi phí tài chính	22	2.589.443.392	-		2.589.443.392	
Trong đó: chi phí lãi vay	23	1.959.183.247	-		1.959.183.247	
8. Chi phí bán hàng	24	11.019.145.237	43.931.668		11.063.076.905	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	56.438.092.810	(889.848.673)		55.548.244.137	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	64.796.476.523	(5.017.729.287)		59.778.747.236	

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 2: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

MÃ số	CHỈ TIÊU	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
11.	Thu nhập khác	2.409.586.204	40.871.000	2.450.457.204
12.	Chi phí khác	328.687.435	6.485.503.025	6.814.190.460
13.	Lợi nhuận khác	2.080.898.769	(6.444.632.025)	(4.363.733.256)
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	(548.793.617)	-	(548.793.617)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.328.581.675	(11.462.361.312)	54.866.220.363
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.065.940.208	(2.865.590.328)	13.200.349.880
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50.262.641.467	(8.596.770.984)	41.665.870.483
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	2.804.331.841	21.888.506	2.826.220.347
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	47.458.309.626	(8.618.659.490)	38.839.650.136
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	-

Handwritten signature

Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu

Handwritten signature

Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng



Nha Trang, Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Handwritten signature

Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 3: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

		Đơn vị tính: VND		
		Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
Mã số				
CHỈ TIÊU				
1.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	66.328.581.675	(11.462.361.312)	54.866.220.363
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định	14.268.869.549	-	14.268.869.549
-	Các khoản dự phòng	1.114.608.395	(1.032.326.000)	82.282.395
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	86.351.682	-	86.351.682
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.710.458.383)	-	(1.710.458.383)
-	Chi phí lãi vay	1.959.183.247	-	1.959.183.247
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	82.047.136.165	(12.494.687.312)	69.552.448.853
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	55.653.425.107	(1.567.901.611)	54.085.523.496
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	(169.209.289)	-	(169.209.289)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	(49.755.428.850)	8.416.918.535	(41.338.510.315)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	127.905.596	-	127.905.596
-	Tiền lãi vay đã trả	(1.959.183.247)	-	(1.959.183.247)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(17.723.098.260)	-	(17.723.098.260)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	295.157.358	-	295.157.358
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2.765.283.855)	-	(2.765.283.855)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	65.751.420.725	(5.645.670.388)	60.105.750.337

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 3: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

CHỈ TIÊU		Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(12.363.572.624)	-	(10.493.187.779)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	868.198.998	-	868.198.998
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(161.181.800.000)	-	(161.181.800.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	83.100.000.000	1.200.000.000	84.300.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	1.200.000.000	(1.200.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	12.950.124.872	-	12.950.124.872
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	16.438.728.738	-	16.438.728.738
30		(58.988.320.016)	-	(57.117.935.171)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư



CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 3: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
CHỈ TIÊU			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.900.341.250)	(4.900.341.250)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	(4.900.341.250)	-	(4.900.341.250)
50	1.862.759.459	(5.645.670.388)	(1.912.526.084)
60	138.497.486.396	-	138.497.486.396
61	(56.444.086)	-	(56.444.086)
70	140.303.801.769	(5.645.670.388)	136.528.516.226

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA
MỘT THÀNH VIÊN
TRUNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ
KHÁNH HÒA
Số tài khoản: 15-001.50.000.206808
Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Thư

Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu

Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

